

Số: 66/2022/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (sau đây gọi chung là kỳ thi) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, gồm: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia các môn văn hóa; cuộc thi khoa học, kỹ thuật học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông cấp huyện, cấp tỉnh,

cấp quốc gia; thi nghề phổ thông; hội thi giáo viên dạy giỏi, hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện, cấp tỉnh;

b) Các nội dung khác liên quan đến nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước: Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện; ngân sách huyện bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do cấp huyện chủ trì thực hiện.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động, nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung, mức chi

1. Chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

a) Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có);

b) Chi thuê địa điểm thi, địa điểm chấm thi (nếu có);

c) Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tập huấn; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi;

d) Các khoản chi phục vụ hoạt động của các Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có).

Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

2. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

3. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban ra đề thi (Chủ tịch/Trưởng ban, Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban, Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng trong 24h/24h; Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng ngoài); Hội đồng/Ban in sao đề thi (Chủ tịch/Trưởng ban, Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban, Ủy viên, thư ký làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài) và thành viên bộ phận vận chuyển đề thi; Ban chỉ đạo thi (Trưởng ban; Phó Trưởng ban, Ủy viên, Thư ký, nhân viên phục vụ); Hội đồng thi (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên); Ban Thư ký Hội đồng thi (Trưởng ban; Phó Trưởng ban; Ủy viên); Hội đồng/Ban coi thi (Chủ tịch/Trưởng ban; Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban; Ủy viên, thư ký, giám thị; Công an bảo vệ); Ban/Tổ làm phách (Trưởng ban/Tổ trưởng, Phó Trưởng ban/Tổ phó, Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài); Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi (Chủ tịch/Trưởng ban; Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban; Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ): Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Tiền công ra đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành; tiền công chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; tiền công chấm phúc khảo bài thi tự luận, chấm thẩm định bài thi tự luận; tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi: Theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2 Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

**CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN CỦA CÁC
BAN/HỘI ĐỒNG/TỔ THAM GIA TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI,
HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh)

1. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia, Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, Coi thi chọn học sinh giỏi quốc gia.

TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức chi
1	Hội đồng/Ban ra đề		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	540 000
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	480 000
	c) Ủy viên, Thư ký	Đồng/người/ngày	420 000
	d) Bảo vệ vòng trong (24/24giờ)	Đồng/người/ngày	320 000
	đ) Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200 000
2	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	480 000
	b) Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Đồng/người/ ngày	430 000
	c) Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	Đồng/người/ ngày	380 000
	d) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ ngày	320 000
	đ) Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Đồng/người/ ngày	320 000
	e) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ ngày	200 000
3	Ban Chỉ đạo thi		
	a) Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	600 000
	b) Phó Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	480 000
	c) Ủy viên	Đồng/người/ ngày	420 000
	d) Thư ký	Đồng/người/ ngày	360 000
	đ) Nhân viên phục vụ	Đồng/người/ ngày	200 000
4	Hội đồng thi		
	a) Chủ tịch	Đồng/người/ ngày	540 000
	b) Phó Chủ tịch	Đồng/người/ ngày	480 000
	c) Ủy viên	Đồng/người/ ngày	360 000
5	Ban thư ký của Hội đồng thi		

TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức chi
	a) Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	480 000
	b) Phó trưởng ban	Đồng/người/ ngày	430 000
	c) Ủy viên	Đồng/người/ ngày	380 000
6	Hội đồng coi thi/Ban coi thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	480 000
	b) Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Đồng/người/ ngày	390 000
	c) Ủy viên; thư ký; giám thị	Đồng/người/ ngày	330 000
	d) Công an, bảo vệ	Đồng/người/ ngày	320 000
7	Ban/Tổ làm phách		
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	Đồng/người/ ngày	480 000
	b) Phó Trưởng ban/Tổ phó	Đồng/người/ ngày	430 000
	c) Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	Đồng/người/ ngày	380 000
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ ngày	320 000
	đ) Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ ngày	200 000
8	Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	540 000
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	420 000
	c) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Đồng/người/ ngày	340 000
	d) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Đồng/người/ ngày	200 000

2. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông: Căn cứ khả năng nguồn kinh phí và tình hình thực tế thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cụ thể nhưng tối đa không vượt quá 90% mức chi quy định tại mục 1 Phụ lục này.

3. Đối với các Kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác quy định tại Điều 1 của Nghị quyết: Căn cứ khả năng nguồn kinh phí và tình hình thực tế thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cụ thể nhưng tối đa không vượt quá 70% mức chi quy định tại mục 1 Phụ lục này./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
TIỀN CÔNG RA ĐỀ THI, XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI,
CHẤM BÀI THI

(Kèm theo Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh)

1. Tiền công làm đề thi

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tiền công xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	a) Chủ trì xây dựng	Đồng/người /ngày	750 000
	b) Thành viên xây dựng	Đồng/người /ngày	600 000
2	Tiền công phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	Đồng/người/ngày	520 000
3	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi thi)		
	a) Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/đề	600 000
	b) Kỳ thi chọn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Đồng/đề theo phân môn	1 000 000
	c) Thi học sinh giỏi THPT cấp tỉnh, tuyển sinh lớp 10 THPT Chuyên (môn chuyên).	Đồng/đề	750 000
	d) Đề thi đồng đội, thực hành khối THPT (mỗi môn, mỗi khối tối đa không quá 12 đề, riêng môn tiếng anh không quá 18 đề)	Đồng/đề	350 000
	đ) Thi HSG lớp 9, HSG khối GDTX, thi tuyển sinh lớp 10 (không chuyên)	Đồng/đề	600 000
	e) Đề thi đồng đội, thực hành HSG lớp 9 (mỗi môn tối đa 2 đề/cụm)	Đồng/đề	600 000
	f) Thi nghề phổ thông (đề lý thuyết-tối thiểu 3 câu)	Đồng/đề	350 000
	g) Thi nghề phổ thông (đề thực hành)	Đồng/đề	450 000
	4	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm	
a) Thi tốt nghiệp trung học phổ thông (cách ly)		Đồng/người/ngày	900 000
	b) Thi chọn đội dự tuyển HSG tỉnh dự thi quốc gia (cách ly)	Đồng/người/ngày	900 000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	c) Thi HSG THPT cấp tỉnh (cách ly)	Đồng/người /ngày	720 000
	d) Thi HSG lớp 9 cấp tỉnh; thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên (cách ly)	Đồng/người /ngày	720 000
	đ) Thi tuyển vào lớp 10 THPT (cách ly)	Đồng/người /ngày	720 000
	e) Làm đề thực hành (xây dựng chương trình) thi HSG đồng đội lớp 9 (tối đa không quá 2 người/cụm và không quá 3 ngày)	Đồng/người /ngày	540 000
	f) Làm đề thực hành (xây dựng chương trình) thi HSG đồng đội THPT (tối đa không quá 2 người/môn và không quá 2 ngày)	Đồng/người/ngày	360 000
5	Tiền công soạn câu hỏi		
	a) Chi soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	70 000
	b) Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	60 000
	c) Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	50 000
	d) Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	35 000
	đ) Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	10 000
6	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm	Đồng/người /ngày	520 000

2. Tiền công chấm bài thi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1. Tiền công chấm bài thi/chấm phúc khảo			
	a) Thi tốt nghiệp THPT		
	- Tự luận	Đồng/người/ngày	600 000
	- Trắc nghiệm	Đồng/người/ngày	600 000
	b) Thi học sinh giỏi lớp 12 và thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	Đồng/người/ngày	700 000
	c) Thi học sinh giỏi văn hóa các khối lớp khác	Đồng/người/ngày	600 000
	d) Tuyển sinh lớp 10 THPT chuyên	Đồng/người/ngày	600 000
	đ) Tuyển sinh lớp 10 THPT không chuyên	Đồng/người/ngày	600 000
	e) Chấm thi đồng đội HSG lớp 9	Đồng/người/ngày	400 000
	f) Chấm thi đồng đội HSG THPT	Đồng/người/ngày	300 000
	g) Thi nghề phổ thông	Đồng/người/ngày	300 000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	h) Sơ tuyển Đề án cuộc thi khoa học kỹ thuật (mỗi đề án tối đa không quá 03 người đánh giá).	Đồng/đề án/người	100 000
	i) Chấm chính thức Đề án cuộc thi khoa học kỹ thuật (mỗi đề án tối đa không quá 03 người đánh giá).	Đồng/đề án/người	100 000
	k) Hội thi giáo viên giỏi tỉnh:		
	- Phần thi bảo vệ Biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục (tối thiểu 03 giám khảo);	Đồng/biện pháp/Giám khảo	100 000
	- Phần thi Thực hành dạy (tối thiểu 03 giám khảo).	Đồng/tiết/Giám khảo	100 000
2. Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi			
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên và không chuyên	Đồng/người/đợt	270 000

Đối với các Kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết: Căn cứ khả năng nguồn kinh phí và tình hình thực tế thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cụ thể nhưng tối đa không vượt quá 70% mức chi tổ chức kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông không chuyên quy định tại mục 1, mục 2 Phụ lục này./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

